ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 453 /TTr-UBND	*Gia Lai, ngày 11 tháng 3 năm 2022*

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND TỈNH GIA LAI
Số: 1350
ĐẾN Ngày: 11/3/2022
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, Kỳ họp thứ Năm (chuyên đề).

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, Kỳ họp thứ Năm (chuyên đề) thông qua Nghị quyết ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Ngày 30/12/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg về việc quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; trong đó giao "Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Căn cứ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương được quy định tại Quyết định này, đặc điểm tình hình thực tế của địa phương, xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm cho các ngành, các cấp của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định".

Do đó, việc ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai *(sau đây gọi tắt là Chương trình)* là thực sự cần thiết và phù hợp với các quy định của pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Việc ban hành Nghị quyết để làm căn cứ pháp lý trong việc lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước và giao vốn cho các địa phương, các ngành, đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình, góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

Quan điểm xây dựng Nghị quyết là đảm bảo phù hợp với quy định của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội; Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định của pháp luật hiện hành; việc xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách phù hợp đặc điểm tình hình thực tế của các thôn, làng đồng bào dân tộc thiểu số, vừa đảm bảo nhu cầu vốn cho các xã khu vực III, vừa tạo điều kiện cho các xã còn lại đảm bảo nguồn vốn đầu tư phát triển; đảm bảo việc tổ chức thực hiện được thống nhất, đồng bộ và thuận lợi.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; UBND tỉnh đã giao Ban Dân tộc tham mưu UBND tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho chủ trương xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai tại Tờ trình số 124/TTr-UBND ngày 18/01/2021.

Ngày 16/02/2022, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 100/NQ-HĐND về việc xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã giao Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn tại Công văn số 327/UBND-NL ngày 23/02/2022.

Để kịp thời tham mưu UBND tỉnh, Ban Dân tộc đã xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, tổ chức lấy ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh, các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tại Công văn số 111/BDT-CSDT ngày 10/02/2022; đồng thời đăng tải toàn bộ dự thảo Nghị quyết lên trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh để lấy ý kiến theo quy định.

Trên cơ sở ý kiến tham gia góp ý của các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh, các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố, Ban Dân tộc đã tổng hợp, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai gửi Sở Tư pháp thẩm định. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 300/STP-XD&KTVB ngày 02/3/2022 và Công văn số 341/STP-XD&KTVB ngày 10/3/2022, Ban Dân tộc đã tiếp thu, giải trình, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết báo cáo UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, Kỳ họp thứ Năm (chuyên đề) thông qua.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

a. Bố cục của dự thảo Nghị quyết: Gồm 02 Điều; cụ thể:

+ Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

+ Điều 2. Tổ chức thực hiện.

b. Bố cục của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết: Gồm 02 Chương, 15 Điều; cụ thể:

Chương I: Những quy định chung.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm.

Chương II. Những quy định cụ thể.

Điều 4. Định mức và phương pháp phân bổ nguồn vốn thực hiện Chương trình.

Điều 5. Tiêu chí phân bổ vốn thực hiện Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt.

Điều 6. Tiêu chí phân bổ vốn thực hiện Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết.

Điều 7. Tiêu chí phân bổ vốn thực hiện Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị.

Điều 8. Tiêu chí phân bổ vốn thực hiện Tiểu Dự án 1 - Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) thuộc Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc.

Điều 9. Tiêu chí phân bổ vốn thực hiện Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Điều 10. Tiêu chí phân bổ vốn thực hiện Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch.

Điều 11. Tiêu chí phân bổ vốn thực hiện Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em.

Điều 12. Tiêu chí phân bổ vốn thực hiện Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em.

Điều 13. Tiêu chí phân bổ vốn thực hiện Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù.

Điều 14. Tiêu chí phân bổ vốn thực hiện Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình.

Điều 15. Điều khoản thi hành.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Trên đây là Tờ trình đề nghị HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, Kỳ họp thứ Năm (chuyên đề) xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai).

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, NL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Kpă Thuyên

Gửi lại sau họp thẩm tra

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(Kèm theo Tờ trình số ..../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm *(gồm ngân sách Trung ương và vốn đối ứng của ngân sách tỉnh)* thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai *(sau đây gọi tắt là Chương trình)*.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình *(sau đây gọi tắt là Sở, ban, ngành và địa phương)*.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình trong giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm

1. Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, Quyết định

số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Ưu tiên bố trí thêm ngân sách địa phương để thực hiện một số lĩnh vực sau:

a) Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN).

b) Phát triển dân cư vùng biên giới; ổn định dân cư vùng đồng bào DTTS&MN (ưu tiên cho địa bàn đặc biệt khó khăn), chú trọng xây dựng kết cấu hạ tầng và quy hoạch, bố trí, sắp xếp, ổn định dân cư phù hợp với cảnh quan, địa hình khu vực và đặc điểm kiến trúc của đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS).

c) Huy động trẻ em trong độ tuổi đi học đến lớp; củng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh bán trú; tổ chức tốt việc dạy - học, nuôi dưỡng và chăm sóc học sinh bán trú, nội trú; thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với nhà giáo, học sinh; đảm bảo đào tạo nghề nông thôn có địa chỉ và nhu cầu học tập của mọi người; dạy tiếng nói, chữ viết các DTTS.

d) Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch đi đôi với xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu, xây dựng tỉnh Gia Lai giàu bản sắc văn hóa dân tộc.

3. Ngân sách tỉnh đảm bảo bố trí đủ vốn đối ứng cho cả Chương trình theo tỷ lệ được quy định tại Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg.

4. Phân bổ vốn của Chương trình bảo đảm công khai, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ tính toán, dễ áp dụng, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

5. Các sở, ban, ngành và địa phương tham gia thực hiện Chương trình căn cứ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước được giao xây dựng kế hoạch thực hiện, xác định mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, xây dựng phương án phân bổ vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm gửi Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp chung, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Ủy ban Dân tộc theo quy định.

6. Nguồn vốn phân bổ hằng năm của Chương trình phải phù hợp với kế hoạch trung hạn được cấp có thẩm quyền thông qua và khả năng cân đối ngân sách hằng năm; ưu tiên bố trí vốn hoàn thành các chương trình, dự án chuyển tiếp từ kế hoạch năm trước sang năm sau; ưu tiên các địa phương giải ngân nhanh để tạo điều kiện sớm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Định mức và phương pháp phân bổ nguồn vốn thực hiện Chương trình

1. Tổng số vốn (vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) phân bổ cho từng Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh được tổng hợp từ vốn phân bổ cho từng Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh theo tỷ lệ % quy định trong tiêu chí phân bổ vốn của các Dự án, Tiểu dự án, Nội dung của Quy định này.

2. Tổng số vốn (vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) phân bổ cho các địa phương được tổng hợp từ vốn phân bổ cho Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thứ i của địa phương đó theo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Vốn phân bổ của Dự án, Tiểu dự án, Nội dung cho các địa phương được xác định như sau:

$$\text{Vốn phân bổ cho Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thứ i của địa phương K} = \frac{\text{Tổng vốn phân bổ cho Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thứ i – vốn phân bổ cho các Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh của Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thứ i}}{\text{Tổng số điểm theo tiêu chí của Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thứ i của tất cả các địa phương}} \times \text{Điểm số của Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thứ i của địa phương K } (X_{K,i})$$

Trong đó:

- Điểm số của Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thứ i của địa phương K ($X_{K,i}$): áp dụng phương pháp tính điểm theo tiêu chí phân bổ vốn thực hiện các dự án được quy định tại Điều 5 đến Điều 14 của Quy định này.

- Tổng số điểm theo tiêu chí của Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thứ i của tất cả các địa phương: là tổng điểm số của Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thứ i của 17 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

Điều 5. Tiêu chí phân bổ vốn thực hiện Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

1. Phân bổ vốn đầu tư:

a) Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Không

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1 hộ được hỗ trợ đất ở	0,4	a	0,4 x a
2	Cứ 1 hộ được hỗ trợ nhà ở	0,4	b	0,4 x b
3	Cứ 1 hộ được hỗ trợ đất sản xuất	0,225	c	0,225 x c
4	Cứ 1 công trình nước sinh hoạt tập trung	30	d	30 x d
	Tổng cộng điểm	-	-	$X_{K,i}$

Số lượng (a, b, c, d) căn cứ số liệu nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các địa phương, được tổng hợp trong Kế hoạch thực hiện Chương trình được Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND tỉnh) phê duyệt.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Không

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1 hộ được hỗ trợ chuyển đổi nghề	0,1	a	0,1 x a
2	Cứ 1 hộ được hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	0,03	b	0,03 x b
	Tổng cộng điểm	-	-	$X_{K,i}$

Số lượng (a, b) căn cứ số liệu nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các địa phương, được tổng hợp trong Kế hoạch thực hiện Chương trình được UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 6. Tiêu chí phân bổ vốn thực hiện Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

1. Phân bổ vốn đầu tư:

a) Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Không.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm
1	Mỗi dự án có quy mô vốn đầu tư đến 01 tỷ đồng được tính 10 điểm	10
2	Dự án có quy mô trên 01 tỷ đồng, cứ tăng thêm vốn đầu tư 100 triệu đồng được tính thêm	01

3	Mỗi dự án tại xã biên giới được tính thêm	5
	Tổng cộng điểm	$\mathbf{X_{K,i}}$

Nguồn số liệu căn cứ nhu cầu thực tế của từng địa phương, được tổng hợp trong Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình và các quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Không.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm
1	Mỗi dự án có quy mô vốn sự nghiệp đến 10 triệu đồng được tính 0,1 điểm; phần còn lại cứ tăng thêm vốn sự nghiệp 10 triệu đồng được tính thêm	0,1
	Tổng cộng điểm	$\mathbf{X_{K,i}}$

Nguồn số liệu căn cứ nhu cầu thực tế của từng địa phương, được tổng hợp trong Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình và các quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

Điều 7. Tiêu chí phân bổ vốn thực hiện Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

1. Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân

1.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

1.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Không.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương, đơn vị chủ rừng trên địa bàn tỉnh: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng (ha)	Tổng số điểm
1	Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.	0,004	a	0,004 x a
2	Mỗi ha rừng được hỗ trợ bảo vệ rừng quy hoạch rừng phòng hộ và rừng sản xuất	0,004	b	0,004 x b

	là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình.			
3	Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung.	0,016	c	0,016 x c
4	Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng sản xuất, khai thác kinh tế dưới tán rừng và phát triển lâm sản ngoài gỗ.	0,1	d	0,1 x d
5	Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng phòng hộ.	0,3	đ	0,3 x đ
6	Mỗi tấn gạo trợ cấp trồng rừng cho hộ nghèo tham gia trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, rừng phòng hộ.	0,12	e	0,12 x e
	Tổng cộng điểm			$\mathbf{X_{K,i}}$

Số lượng (a, b, c, d, đ, e) căn cứ số liệu trong Báo cáo nghiên cứu khả thi và số liệu báo cáo tình hình thực tế thực hiện của các địa phương, đơn vị chủ rừng do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp.

2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN

2.1. Phân bổ vốn đầu tư:

Phân bổ vốn đầu tư cho Nội dung 2: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý:

a) Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Không

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Thực hiện dự án trồng dược liệu quý	290	a	290 x a
2	Trung tâm nhân giống, bảo tồn và phát triển	300	b	

	dược liệu ứng dụng công nghệ cao			300 x b
	Tổng cộng điểm			**$X_{K,i}$**

Số lượng (a, b) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các địa phương, được tổng hợp trong Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình.

2.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ vốn sự nghiệp cho Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị:

- Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Không.

- Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

+ Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK), thôn ĐBKK:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	28	a	28 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (*Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã*)	5	b	5 x b
	Tổng cộng điểm			$A_{K,i}$

+ Nhóm tiêu chí ưu tiên đối với xã ĐBKK hơn:

. Tiêu chí xã ĐBKK đồng thời là xã An toàn khu (ATK) hoặc xã biên giới đất liền:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Xã ĐBKK đồng thời là xã ATK hoặc xã biên giới đất liền	2	a	2 x a
	Tổng cộng điểm			$B_{K,i}$

. Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,15	a	0,15 x a
	Tổng cộng điểm			$C_{K,i}$

Xã ĐBKK được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025; xã ATK, xã biên giới được xác định theo Quyết định của cấp có thẩm quyền; thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn ĐBKK vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025; tỷ lệ hộ nghèo của từng xã thuộc diện đầu tư của Chương trình được xác định theo số liệu để phân định xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 861/QĐ-TTg.

Tổng số điểm $\mathbf{X_{K,i}}$ của địa phương K được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí: $\mathbf{X_{K,i}} = A_{K,i} + B_{K,i} + C_{K,i}$

b) Phân bổ vốn sự nghiệp cho Nội dung 2: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý: Không quá 10% tổng vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 2.

- Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Không.

- Phân bổ vốn cho địa phương thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Thực hiện dự án trồng dược liệu quý	310	a	310 x a
2	Thực hiện xây dựng trung tâm giống cây dược liệu quý	270	b	270 x b
	Tổng cộng điểm			$\mathbf{X_{K,i}}$

Số lượng (a, b) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các địa phương, được tổng hợp trong Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình.

c) Phân bổ vốn sự nghiệp cho Nội dung 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN

- Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Không quá 70% tổng số vốn của Nội dung 3 (Ban Dân tộc không quá 36%; Sở Công Thương không quá 25%; Liên minh Hợp tác xã tỉnh không quá 03%; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh không quá 03%; Hội Nông dân tỉnh không quá 03%).

- Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

+ Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã ĐBKK, thôn ĐBKK:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	28	a	28 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (*Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã*)	5	b	5 x b
	Tổng cộng điểm			$A_{K,i}$

+ Nhóm tiêu chí ưu tiên đối với xã ĐBKK hơn:

. Tiêu chí xã ĐBKK đồng thời là xã ATK hoặc xã biên giới đất liền:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Xã ĐBKK đồng thời là xã ATK hoặc xã biên giới đất liền	2	a	2 x a
	Tổng cộng điểm			$B_{K,i}$

. Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,15	a	0,15 x a
	Tổng cộng điểm			$C_{K,i}$

Xã ĐBKK được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg; xã ATK, xã biên giới được xác định theo Quyết định của cấp có thẩm quyền; thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBDT; tỷ lệ hộ nghèo của từng xã thuộc diện đầu tư của Chương trình được xác định theo số liệu để phân định xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 861/QĐ-TTg.

Tổng số điểm $\mathbf{X_{K,i}}$ của địa phương K được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí: $\mathbf{X_{K,i}} = A_{K,i} + B_{K,i} + C_{K,i}$

Điều 8. Tiêu chí phân bổ vốn thực hiện Tiểu Dự án 1 - Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN thuộc Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc

1. Phân bổ vốn đầu tư:

a) Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Không.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	100	a	100 x a
2	Xã ATK thuộc khu vực II, I *(xã chưa được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (NTM), hoàn thành mục tiêu Chương trình 135)*	90	b	90 x b
3	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III *(Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III)*	15	c	15 x c
4	Cứ 1 km cứng hoá đường đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hóa	16	d	16 x d
5	Cứ xây mới 1 trạm y tế xã	40	e	40 x e
6	Cứ cải tạo sửa chữa 1 trạm y tế xã	8	f	8 x f
7	Cứ xây mới 1 chợ vùng đồng bào DTTS&MN	44	g	44 x g
8	Cứ cải tạo, sửa chữa, nâng cấp 1 chợ vùng đồng bào DTTS&MN	8	h	8 x h
9	Mỗi công trình cầu giao thông kết nối các xã biên giới, xã khu vực III, thôn ĐBKK	500	i	500 x i
10	Mỗi công trình hạ tầng lưới điện cho các xã biên giới, xã khu vực III, thôn ĐBKK	1.000	k	1000 x k
11	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,3	l	0,3 x l
	Tổng cộng điểm	-	-	$\mathbf{X_{K,i}}$

Xã ĐBKK được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg; xã ATK, xã biên giới được xác định theo Quyết định của cấp có thẩm quyền; thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBDT; tỷ lệ hộ nghèo của từng xã thuộc diện đầu tư của Chương trình được xác định theo số liệu để phân định xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 861/QĐ-TTg. Số liệu chợ; trạm y tế căn cứ số liệu nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các địa phương, được tổng hợp trong Kế hoạch thực hiện Chương trình được UBND tỉnh phê duyệt.

Số km cứng hoá đường đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hóa, công trình cầu giao thông kết nối, hạ tầng lưới điện cho các xã biên giới, xã khu vực III, thôn ĐBKK căn cứ số liệu trong Báo cáo nghiên cứu khả thi và số liệu báo cáo tình hình thực tế của các địa phương.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Không.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	9	a	9 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III *(Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III)*	1,8	b	1,8 x b
3	Hỗ trợ trang thiết bị cho mỗi trạm y tế xây mới và cải tạo	2,5	c	2,5 x c
4	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,03	d	0,03 x d
	Tổng cộng điểm	-	-	$\mathbf{X_{K,i}}$

Xã ĐBKK được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg; thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBDT; tỷ lệ hộ nghèo của từng xã thuộc diện đầu tư của Chương trình được xác định theo số liệu để phân định xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 861/QĐ-TTg. Hỗ trợ trang thiết bị cho trạm y tế xây mới và cải tạo căn cứ số liệu nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các địa phương, được tổng hợp trong Kế hoạch thực hiện Chương trình được UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 9. Tiêu chí phân bổ vốn thực hiện Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

1. Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS

1.1 Phân bổ vốn đầu tư:

a) Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Phân bổ vốn cho Sở Giáo dục và Đào tạo 100% kinh phí Tiểu dự án 1

Theo Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Không.

1.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Không.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi người học xoá mù chữ	0,5	a	0,5 x a
2	Mỗi lớp học xoá mù chữ	10	b	10 x b
3	Mỗi bộ tài liệu, sách giáo khoa, văn phòng phẩm phát cho người học	0,05	c	0,05 x c
4	Mỗi đơn vị mua sắm trang thiết bị	500	d	500 x d
	Tổng cộng điểm	-	-	$X_{k,i}$

Số lượng (a, b, c, d) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các địa phương, được tổng hợp trong Kế hoạch thực hiện Chương trình được UBND tỉnh phê duyệt.

2. Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS

2.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

2.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc: Phân bổ vốn cho Nội dung 1 không quá 70% tổng vốn cho Tiểu dự án 2; trong đó:

- Phân bổ vốn cho Ban Dân tộc tỉnh 100% kinh phí Nội dung 1.

- Phân bổ vốn cho các địa phương: Không.

b) Nội dung 2: Đào tạo dự bị đại học, đại học, sau đại học: Phân bổ vốn cho Nội dung 2 ít nhất 30% tổng vốn phân bổ cho Tiểu dự án 2, trong đó:

+ Phân bổ vốn cho Sở Giáo dục và Đào tạo 100% kinh phí của Nội dung 2.

+ Phân bổ vốn cho các địa phương: Không.

3. Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN

3.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

3.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Phân bổ cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội không quá 20% tổng vốn Tiểu dự án 3.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi học viên được đào tạo nghề	0,035	a	0,035 x a
	Tổng cộng điểm	-	-	$X_{K,i}$

Số lượng học viên được đào tạo nghề (a) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các địa phương được tổng hợp trong Kế hoạch thực hiện Chương trình được UBND tỉnh phê duyệt.

4. Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp

4.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

4.2 Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Phân bổ vốn cho Ban Dân tộc không quá 50% tổng vốn của Tiểu dự án 4.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III), xã ATK thuộc khu vực II, I *(xã chưa được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn NTM, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135)*	15	a	15 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III *(Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III)*	1,5	b	1,5 x b
	Tổng cộng điểm	-	-	$X_{K,i}$

Xã ĐBKK được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg; xã ATK, xã biên giới được xác định theo Quyết định của cấp có thẩm quyền; thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBDT.

Điều 10. Tiêu chí phân bổ vốn thực hiện Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch

1. Phân bổ vốn đầu tư:

a) Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Không.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Theo phương pháp tính điểm của các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng cho mỗi một điểm đến du lịch tiêu biểu	7	a	7 x a
2	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn mỗi một thôn, làng truyền thống tiêu biểu của các DTTS	60	b	60 x b
3	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN	2	c	2 x c
4	Hỗ trợ xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các DTTS, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch	60	d	60 x d
5	Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các DTTS	60	e	60 x e
	Tổng cộng điểm	-	-	$X_{K,i}$

Số lượng (a, b, c, d, e) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các địa phương được tổng hợp trong Kế hoạch thực hiện Chương trình được UBND tỉnh phê duyệt.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Phân bổ cho Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch 100% kinh phí Dự án 6.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Không.

Điều 11. Tiêu chí phân bổ vốn thực hiện Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

1. Phân bổ vốn đầu tư:

a) Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Phân bổ vốn cho Sở Y tế 100% kinh phí Dự án 7.

Theo Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Không.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Phân bổ vốn cho Sở Y tế 100% kinh phí Dự án 7.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Không

Điều 12. Tiêu chí phân bổ vốn thực hiện Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Phân bổ vốn cho Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh không quá 12% tổng vốn của Dự án 8.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Theo phương pháp tính điểm của các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III), xã ATK thuộc khu vực II, I *(xã chưa được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn NTM, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135)*	10	a	10 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III *(Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III)*	2	b	2 x b
3	Mỗi xã ĐBKK là xã biên giới được tính thêm	1	c	1 x c
	Tổng cộng điểm	-	-	$\mathbf{X_{K,i}}$

Xã ĐBKK được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg; xã ATK, xã biên giới được xác định theo Quyết định của cấp có thẩm quyền; thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBDT.

Điều 13. Tiêu chí phân bổ vốn thực hiện Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù

1. Tiểu Dự án 1: Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm DTTS còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù

1.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

1.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Phân bổ vốn cho Ban Dân tộc không quá 02% tổng vốn Tiểu dự án 1.

b) Phân bổ cho các địa phương:

- Vốn cho sửa chữa các công trình cơ sở hạ tầng không quá 10% vốn tiểu dự án phân bổ cho đơn vị cấp huyện.

- Phân bổ vốn theo tiêu chí: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi hộ DTTS còn gặp nhiều khó khăn và có khó khăn đặc thù thuộc địa bàn đầu tư	1	a	1 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK có DTTS có khó khăn đặc thù sống thành cộng đồng thuộc diện đầu tư	100	b	100 x b
	Tổng cộng điểm	-	-	$X_{K,i}$

Số lượng hộ DTTS còn gặp nhiều khó khăn và có khó khăn đặc thù thuộc địa bàn đầu tư (a) căn cứ số liệu tổng hợp từ các địa phương; thôn ĐBKK có DTTS có khó khăn đặc thù sống thành cộng đồng được xác định theo Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025.

2. Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN

2.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

2.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Phân bổ vốn cho Ban Dân tộc không quá 26% vốn Tiểu dự án 2.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi tỷ lệ tảo hôn + Tỷ lệ hôn nhân cận huyết	5	a	5 x a
2	Mỗi xã khu vực I	1	b	1 x b
3	Mỗi xã khu vực II	1,5	c	1,5 x c
4	Mỗi xã khu vực III	3	d	3 x d
5	Mỗi mô hình được thực hiện	2	đ	2 x đ
	Tổng số	-	-	$X_{K,i}$

Tỷ lệ tảo hôn, tỷ lệ hôn nhân cận huyết (a) của các huyện, thị xã, thành phố căn cứ số liệu điều tra thống kê thực trạng KT-XH 53 DTTS năm 2019 của tỉnh.

Xã khu vực I, II, III (b, c, d) của huyện, thị xã, thành phố được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg.

Số mô hình thực hiện (đ) là 20% của tổng số xã khu vực III, II của huyện, thị xã, thành phố được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg.

Điều 14. Tiêu chí phân bổ vốn thực hiện Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

1. Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2030

1.1. Phân bổ vốn đầu tư:

a) Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Không.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi Đài Phát thanh - Truyền hình	1.000	a	1.000 x a
	Tổng cộng	-	-	$X_{K,i}$

Số lượng (a) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các địa phương, được tổng hợp trong Kế hoạch thực hiện Chương trình được UBND tỉnh phê duyệt.

1.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Không quá 50% tổng vốn sự nghiệp của Tiểu dự án. Trong đó: Ban Dân tộc không quá 42%, Sở Tư pháp không quá 05%, Sở Thông tin và Truyền thông không quá 03%.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm

1	Mỗi xã thuộc vùng đồng bào DTTS&MN	27	a	27 x a
	Tổng cộng			$\mathbf{X_{K,i}}$

Xã thuộc vùng đồng bào DTTS&MN của các huyện, thị xã, thành phố được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg.

2. Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN

2.1. Phân bổ vốn đầu tư:

a) Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Không quá 25% tổng vốn đầu tư của Tiểu dự án. Trong đó: Ban Dân tộc không quá 24,5%, Liên minh Hợp tác xã tỉnh không quá 0,5%.

b) Phân bổ cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào DTTS&MN	30	a	30 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (*số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã*)	0,5	b	0,5 x b
	Tổng cộng điểm			$\mathbf{X_{K,i}}$

Xã thuộc vùng đồng bào DTTS&MN được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg; thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBDT.

2.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Không quá 67% tổng vốn sự nghiệp của Tiểu dự án. Trong đó: Ban Dân tộc không quá 50%, Liên minh Hợp tác xã tỉnh không quá 15%, Sở Thông tin và Truyền thông không quá 02%.

b) Phân bổ cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào DTTS&MN	30	a	30 x a

2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (*số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã*)	0,5	b	0,5 x b
	Tổng cộng điểm			**$X_{K,i}$**

Xã thuộc vùng đồng bào DTTS&MN được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg; thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBDT.

3. Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình

3.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

3.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Không quá 60% tổng vốn sự nghiệp Tiểu dự án.Trong đó: Ban Dân tộc không quá 25%, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không quá 03%, Sở Giáo dục và Đào tạo không quá 03%, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội không quá 03%, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch không quá 03%, Sở Y tế không quá 03%, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh không quá 03%, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh không quá 04%, Sở Tài chính không quá 02%, Sở Kế hoạch và Đầu tư không quá 02%, Sở Tư pháp không quá 02%, Sở Công Thương không quá 02%, Liên minh Hợp tác xã tỉnh không quá 02%, Sở Thông tin và Truyền thông không quá 01%, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Gia Lai không quá 01%, Hội Nông dân tỉnh Gia Lai không quá 01%.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã khu vực III	5	a	5 x a
2	Mỗi xã khu vực II	2	b	2 x b
3	Mỗi xã khu vực I	1	c	1 x c
	Tổng cộng	-	-	**$X_{K,i}$**

Xã khu vực I, II, III (a, b, c) được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng quy định tại văn bản mới.

2. Giao cho các cơ quan chủ dự án thành phần chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương có liên quan căn cứ vào các Thông tư hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương về định mức vốn cho từng dự án, tiểu dự án và các nội dung có liên quan đề xuất kế hoạch triển khai trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai thực hiện theo kế hoạch của Chương trình giai đoạn 2021-2025./.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2022/NQ-HĐND	*Gia Lai, ngày tháng năm 2022*

DỰ THẢO 4

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI KHÓA XII KỲ HỌP THỨ NĂM (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Xét Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày .... tháng.... năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc trình dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định

nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số ... /BC-HĐND ngày ... tháng ... năm 2022 của .....; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, Kỳ họp thứ Năm (chuyên đề) thông qua ngày ... tháng ... năm 2022 và có hiệu lực từ ngày ... tháng .... năm 2022.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Các Bộ : Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Ủy ban Dân tộc;
- Vụ Pháp chế - Ủy ban Dân tộc;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, Hội, đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Website: http//dbnd.gialai.gov.vn;
- Báo Gia Lai; Đài PTTH tỉnh;
- Lãnh đạo và chuyên viên Phòng Công tác Hội đồng nhân dân;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Hồ Văn Niên